

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO	7:25	22	0		22	0	
2		TD1+PPD	7:25	17+5	0+0		16+6	0+0	
3		GTCL1+P9+P4	7:25	9+0+13	0+0+0		5+1+13	0+0+0	
4		PPD+P1	7:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
5		T.UNG	7:25	15	0		15	0	
6		RP2+RP3	9:25	7+15	0+0		0+17	0+0	
7		P7+P3+PPD	9:25	4+0+18	0+0+0		1+1+20	0+0+0	
8		CTK3+AMD	9:25	11+11	0+0		8+14	0+0	
9		CTK3+TD5	9:25	21+1	0+0		17+5	0+0	
10		RCDM+CLO+PPD (P2)	11:25	10+9+3	0+0+0		0+11+3	0+0+0	
11		BK16+GTCL1+TD1	11:25	10+1+10	0+0+0		5+4+12	0+0+0	
12		P2+CTK3	11:25	22+0	0+0		9+8	0+0	
13		CLI	13:25	22	0		22	0	
14		CLI	13:25	20	0		14	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2019	TO: CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vậ - DUONG - HUY	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VOROBIEV S.L	CLO	92	1	4		95	KHOAN	Russian
2	ĐỖ NGỌC HOÀN	CLO	93	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	DATSKO P.D	CLO	78	1	10		90	KHOAN	Russian
4	PHẠM VĂN LAM	CLO	77	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN TRUNG THANH	CLO	73	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	81	1	10	35	74	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN QUANG HUY	CLO	80	1	5	80	72	KHOAN	Vietnamese
8	VU MINH TU	CLO	75	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	MAI VĂN HỘI	CLO					74	KHOAN	Vietnamese
10	CHU ĐỨC AI	CLO	72	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	HOÀNG THAI ANH	CLO	87	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
12	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	74	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
13	DƯƠNG QUỐC VIỆT	CLO	82-83	2	10		85	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC HÙNG	CLO	94	1	5		80	DVL	Vietnamese
15	ĐÀO VĂN YẾN	CLO	91	1	10		62	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	CLO	84	1	5		63	DVL	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN HÙNG	CLO	86	1	7		65	DVL	Vietnamese
18	VUÔNG KIẾN QUỐC	CLO	89-90	2	12		75	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC BAO	CLO	88	1	15		84	DVL	Vietnamese
20	OZEROV VITALIY	CLO	76	1	5		95	DVL	Rus
21	TRẦN VĂN MẠNH	CLO	85	1	12		73	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TUÂN	CLO					80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	22	147	1.695	115	22		
	TOTAL	22	22	147	1.695	115	22		
	WEIGHT KG			147	1.695	115			

GRAND TOAL: 1.957 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2019	TO: TD1 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - Luy	ETA: 09:15
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KLIUZHEV R.V	TD1	58	1	5		115	KHOAN	Russian
2	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	60	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN QUY	TD1	63	1	5	55	65	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VAN MINH	TD1	39	1	5	30	65	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	40	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD1	64	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN HOÀN	TD1	62	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG VAN DUY	TD1	61	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	TD1					53	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ MẠNH HẢI	TD1	41	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG TÂM	TD1	56	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD1	59	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN UÂN	TD1	36	1	8		60	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC PHU	TD1	38	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	HOANG VAN BAY	TD1	35	1	4		60	PSV	Vietnamese
16	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	37	1	2		65	PSV	Vietnamese
17	VŨ VĂN THÂM	TD1	57	1	6		56	PSV	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	03	1	4		72	KHI	Vietnamese
19	OKOVANTSEV G.P	PPD	01-02	2	12		115	KHI	Russian
20	DƯƠNG CHI TUYỀN	PPD	05	1	4	55	69	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	04	1	5		75	KHI	Vietnamese
22	GALLIAMOV	PPD	06	1	6		74	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

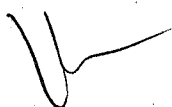
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	17	16	78	1.174	85	16		
2	PPD	5	6	31	405	55	6		
TOTAL		22	22	109	1.579	140	22		
WEIGHT KG				109	1.579	140			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

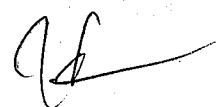
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2019	TO: GTC1 - P9 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - PTUÂN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KRAMARENKO	GTC1	42	1	4		66	D-HANH	Russian
2	PEREKRESTOV	GTC1	40	1	5		104	D-HANH	Russian
3	TRẦN TRUNG HIỆP	GTC1	48	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
4	FIRSOV	GTC1	41	1	2		90	ANTOAN	Russian
5	NGUYỄN NAM THAI	GTC1	45	1	5	60	60	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ QUÝ HOANG	GTC1	43	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HỮU TRUNG	GTC1	44	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
8	DANG TRAN KHANH	GTC1	47	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN QUYET	GTC1	46	1	3		64	PSV	Vietnamese
10	IAKIMENKO V.A	P4	02	1	8		111	KHI	Russian
11	ZAGYDAEV V.E	P4	06	1	3		76	KHI	Russian
12	NGUYEN VAN NAM	P4	12	1	3		60	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG HA	P4	03	1	4		69	KHI	Vietnamese
14	PHAM QUỐC DUY	P4	09	1	3		61	KHI	Vietnamese
15	TRẦN VĂN PHÚC	P4	13	1	5		72	KHI	Vietnamese
16	LÊ VĂN HOÀN	P4	08	1	3		67	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN VAN THINH	P4	04	1	6	35	72	KHI	Vietnamese
18	TRẦN ĐẠI	P4	05	1	8		74	KHI	Vietnamese
19	LÊ VĂN MẠNH	P4					60	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN LÊ HUY	P4	01	1	5		57	KHI	Vietnamese
21	DƯƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	07	1	3		68	KHI	Vietnamese
22	LÊ HỒNG TRUNG	P4	10	1	5	32	60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	9	9	36	663	60	5		
2	P9	0	0	0	0	0	1		
3	P4	13	12	56	907	67	13		
TOTAL		22	21	92	1.570	127	19		
WEIGHT KG				92	1.570	127			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2019	TO: PPD - P1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - VTHU -	ETA: 09:30
NAU-1		HTNam	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VĂN THẮNG	PPD	87	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN QUÝ	PPD	72	1	7	50	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG TUNG HUYNH	PPD	78	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HAI	PPD	82	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ MAU MÊN	PPD	81	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH TIẾN	PPD	83	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC HAI	PPD	79	1	13		90	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	88	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH HAI	PPD	86	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	80	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔ HIẾN THANH	PPD	90	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG TUẤN HUNG	PPD	89	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN BA	PPD	85	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NHÂN	PPD	74	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	71	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC DU	PPD	75	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	84	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN DOAN HUƠNG	PPD	76	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD	77	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
21	VÔ VĂN QUYỀN	PPD	69	1	3		68	KHI	Vietnamese
22	TRINH VĂN CUONG	PPD	94	1	6		69	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

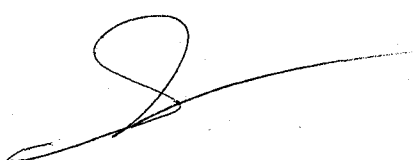
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	21	106	1.559	50	20		
2	P1	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	21	106	1.559	50	22		
WEIGHT KG				106	1.559	50			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2019	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:00
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: MTiến - Toàn	ETA: 10:00
xanh-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	BK THIE	37	1	7		67	PVD TRAIN	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC HIỀU	BK THIE	38	1	7		69	PVD TRAIN	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG SƠN	BK THIE	40	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
4	VĂN MINH TÂN	BK THIE	39	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM QUANG QUY	BK THIE	35-36	2	6		57	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN THUY	BK THIE	3000	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ CHIẾN THẮNG	BK THIE	32	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC TOÀN	BK THIE	33	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRẦN SƠN	BK THIE	97	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THÀNH BẠC	BK THIE	95	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HOA	BK THIE	99	1	5		65	PSV	Vietnamese
12	HỒ VĂN TÍNH	BK THIE	91	1	4		53	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	BK THIE	98	1	5		61	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	BK THIE	96	1	5		60	PSV	Vietnamese
15	LƯƠNG CÔNG ĐẠT	BK THIE	34	1	4		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	15	16	71	967	0	15		
	TOTAL	15	16	71	967	0	15		
	WEIGHT KG			71	967	0			

GRAND TOAL: 1.038 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2019	TO: RP2 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Vậ - DUONG - HUY	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG MANH THANG	RP2	83-84	2	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG BA THANG	RP2	77	1	17		60	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG XUAN KIEN	RP2	66	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
4	LE VAN HUNG	RP2	73-74	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN VAN DOAN	RP2	75	1	10	15	70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN LOC	RP2	64	1	10	15	63	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG KHOI	RP2	78-79	2	12	22	72	XAYLAP	Vietnamese
8	REVIKIN V.N	RP3	57	1	10		100	KHI	Russian
9	LE NHU NGUYEN	RP3	62-63	2	12		62	KHI	Vietnamese
10	PHAM VAN KY	RP3	56	1	4		68	KHI	Vietnamese
11	PHAM QUOC KHANH	RP3					84	KHI	Vietnamese
12	VO DON LONG	RP3	60	1	6		67	KHI	Vietnamese
13	HOANG VAN HAI	RP3	55	1	7		64	KHI	Vietnamese
14	HO VAN LUONG	RP3	64	1	3		68	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TUNG	RP3					75	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VIET KY	RP3	59	1	4		70	KHI	Vietnamese
17	NGO NGOC HAN	RP3	58	1	5		60	KHI	Vietnamese
18	LAI VAN MINH	RP3	61	1	5		63	KHI	Vietnamese
19	ĐINH XUAN TOAN	RP3	65-66	2	17	30	60	T-TIN	Vietnamese
20	TRAN QUYET TIEN	RP3	70-71	2	8	90	69	PVGAS	Vietnamese
21	BUI VAN TUAN	RP3	72	1	5		74	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

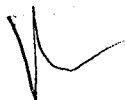
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	7	10	86	462	52	0		
2	RP3	14	15	86	984	120	17		
TOTAL		21	25	172	1.446	172	17		
WEIGHT KG				172	1.446	172			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2019	TO: P7 - P3 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - Luy	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRƯỜNG TUNG	P7	38	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN SANG	P7	37	1	9		67	DVL	Vietnamese
3	BESPALOV	P7	35	1	6		85	NIPI	Russian
4	QUẦN ĐỨC THẮNG	P7	36	1	3		60	NIPI	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC THẮNG	PPD	900	1	5		73	KHI	Vietnamese
6	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	700	1	5		68	KHI	Vietnamese
7	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	10	1	7		72	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	13	1	5		66	KHI	Vietnamese
9	NGÔ SỸ THANH	PPD	96	1	5		87	KHI	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	19	1	3		71	KHI	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	95	1	5		55	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH HOANG	PPD	12	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	20	1	8		77	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT DAI	PPD	21	1	8		70	KHI	Vietnamese
15	VŨ VĂN SÔNG	PPD	99	1	2		72	KHI	Vietnamese
16	NGÔ XUÂN HUƠNG	PPD	15	1	5		74	KHI	Vietnamese
17	LÊ TRUNG LÂN	PPD	18	1	3	15	83	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	16	1	2		72	KHI	Vietnamese
19	VŨ THANH BÌNH	PPD	11	1	5		67	KHI	Vietnamese
20	TRẦN VĂN NAM	PPD	14	1	3		65	KHI	Vietnamese
21	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	17	1	5		63	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC THO	PPD	97-98	2	10		60	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	4	4	24	279	0	1		
2	P3	0	0	0	0	0	1		
3	PPD	18	19	91	1.265	15	20		
TOTAL		22	23	115	1.544	15	22		
WEIGHT KG				115	1.544	15			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2019	TO: CTK3 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - PTUẤN	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM ĐAI PHONG	CTK3	80	1	3		67	YTE	Vietnamese
2	PHAM HUU TUNG	CTK3					75	SANBAY	Vietnamese
3	LAM TRỌNG ĐẠI	CTK3	84	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HUY TÂM	CTK3	77-78	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH HAI	CTK3	87	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC HIẾU	CTK3					66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TUẤN MINH	CTK3	81-82	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔ TRỌNG TUẤN	CTK3	85	1	5	70	77	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	83	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN DÂN	CTK3	86	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ XUÂN ĐẠT	CTK3	79	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO ĐỨC THỊNH	AMD	29	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	27	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HOÀNG	AMD	31	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỒNG LINH (PVDT)	AMD	30	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HỒNG THAI (PVDT)	AMD	32	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	35-36	2	17		85	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	28	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	25	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU CUÔNG	AMD	26	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG MẠNH PHU	AMD	33	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN MẠNH HÙNG	AMD	34	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	11	11	54	770	70	8		
2	AMD	11	12	75	769	0	14		
TOTAL		22	23	129	1.539	70	22		
WEIGHT KG				129	1.539	70			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2019	TO: CTK3 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - VTHU -	ETA: 11:40
NAU-2		HTNam	

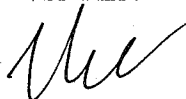
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH ĐẠO	CTK3	94	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TIỀN PHƯỢNG	CTK3	37	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THĂNG	CTK3	97	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH HAI	CTK3	91	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TÙNG	CTK3	42	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM BA HOÀNG	CTK3	41	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	МАКАРОВА О. В	CTK3	93	1	18		105	KH-THAC	Russian
8	ĐẠO VĂN MINH	CTK3	800	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	90	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ ĐÌNH THẨM	CTK3	40	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI THANH HOẠT	CTK3	43	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	98-99	2	6		56	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH KHOÁT	CTK3	92	1	2		76	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	45-46	2	17		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	CTK3	95	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỒNG MINH	CTK3	96	1	7		93	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT LONG	CTK3	36	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH DIỆN	CTK3	44	1	7	10	70	KH-THAC	Vietnamese
19	DƯƠNG VĂN BÌNH	CTK3	38-39	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM THANH BÌNH	CTK3	89	1	5		75	ANTOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀNG LONG	TD5	66	1	10	48	67	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

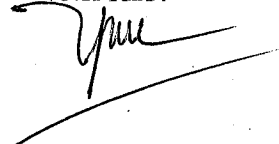
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	21	23	139	1.480	10	17		
2	TD5	1	1	10	67	48	5		
TOTAL		22	24	149	1.547	58	22		
WEIGHT KG				149	1.547	58			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

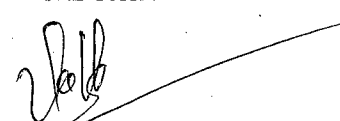
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2019	TO: RCDM - CLO - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hồi - QViệt - Vũ	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN NGŨ	RCDM	10	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC PHÁT	RCDM	04-05	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN HOA	RCDM	11	1	10	70	75	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM TẤT LỰC	RCDM	12	1	5		76	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ QUY BƯỞNG	RCDM	03	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HÀ	RCDM	08-09	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN LAM	RCDM	06-07	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN HỮU SƠN	RCDM	01-02	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VIỆT DŨNG	RCDM	14	1	8		67	XAYLAP	Vietnamese
10	VÔ VĂN THÀNH	RCDM	15	1	3		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY ĐỒNG	CLO					72	PSV	Vietnamese
12	MAI TÚ HẢI	CLO	22	1	5		65	PSV	Vietnamese
13	LÊ MINH MINH	CLO	19	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	HOÀNG HỮU THỦ	CLO	21	1	5		75	PSV	Vietnamese
15	VŨ MẠNH HƯƠNG	CLO	18	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	LẠI ĐÌNH HAI	CLO	20	1	5		86	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TUÂN	CLO	23	1	2		72	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TÙNG	CLO	26	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HẬU	CLO	24-25	2	6		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CHẠC	PPD	24-25	2	12		60	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH THĂNG	PPD	26	1	8		67	KHI	Vietnamese
22	VŨ VĂN SƠN	PPD	23	1	6		60	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

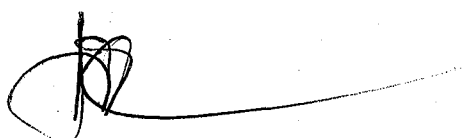
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	10	14	107	690	70	0		
2	CLO	9	9	38	650	0	11		
3	PPD	3	4	26	187	0	3		
TOTAL		22	27	171	1,527	70	14		
WEIGHT KG				171	1,527	70			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2019	TO: BK16 - GTC1 - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:55
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐTuấn - Trường	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC HA	BK16	59	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LIEU	BK16	60	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH TUAN	BK16	56	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	DAO DUC THANG	BK16	58	1	5	40	67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DUC BAU	BK16	35	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH HAI	BK16	61	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM NGOC PHUONG	BK16	36-37	2	15		73	CODIEN	Vietnamese
8	LUONG ANH VU	BK16	57	1	7		65	CODIEN	Vietnamese
9	DOAN TIEN LU	BK16	38	1	8		67	NIPI	Vietnamese
10	NGUYEN HUU NHAN	BK16	39	1	5		78	NIPI	Vietnamese
11	VU DINH CHIEN	BK16	55	1	5		71	PSV	Vietnamese
12	PHAM HUY DINH	GTC1	53-54	2	17	20	57	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN THUAT	TD1	82	1	5		80	PSV	Vietnamese
14	DAU DUC HUNG	TD1	79	1	5		69	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN THANH CONG	TD1	78	1	3		68	PSV	Vietnamese
16	DAU VIET BAC	TD1	81	1	5		77	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NHANH	TD1	80	1	6	20	65	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TUNG	TD1	70	1	7	50	72	SHINTRAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN DUAN	TD1	75	1	6		58	SHINTRAC	Vietnamese
20	DO VAN TRUNG	TD1	76-77	2	10		60	SHINTRAC	Vietnamese
21	TRAN DANG QUYNH	TD1	71-72	2	10		74	SHINTRAC	Vietnamese
22	VU VAN TUYEN	TD1	73-74	2	7		61	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	11	12	80	770	40	5		
2	GTC1	1	2	17	57	20	5		
3	TD1	10	13	64	684	70	12		
TOTAL		22	27	161	1.511	130	22		
WEIGHT KG				161	1.511	130			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

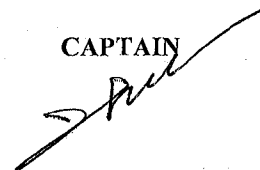
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2019	TO: P2 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - PTUẤN	ETA: 13:40
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUA MINH TAN	P2	33	1	5		60	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN VAN ON	P2	34	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	HUYNH THANH HIEN	P2	29-30	2	12		57	KHI	Vietnamese
4	HUYNH THANH HUU	P2	35	1	7		60	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TRUONG	P2	31-32	2	9		66	KHI	Vietnamese
6	LUU VAN BINH	P2	36	1	5		75	KHI	Vietnamese
7	PHAM NGOC BAO	P2	13	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI THE HAI	P2	09	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN DINH MINH	P2	04-05	2	15	89	63	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM THE TRUONG	P2	06	1	5		88	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI MANH HA	P2	14-15	2	17		88	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG VAN THUYET	P2	18	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
13	LE VAN NIN	P2	10-11	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN TRONG	P2	16-17	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LOI	P2	18	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
16	DOAN QUANG TRUNG	P2	19-20	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN KIM HA	P2	21	1	8		63	XAYLAP	Vietnamese
18	TRINH DAC HUNG	P2	25	1	18		64	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN XUAN LOC	P2	23-24	2	18		57	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM VAN DINH	P2	08	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
21	DOAN VAN BANG	P2	12	1	17		78	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN MANH HUNG	P2	26	1	12		85	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	30	261	1.512	89	9		
2	CTK3	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	30	261	1.512	89	17		
WEIGHT KG				261	1.512	89			

GRAND TOAL: 1.862 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2019	TO: CLI	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:00
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: Hồi - QViệt - Vũ	ETA: 14:20
TIM-4			

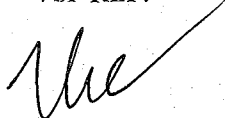
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHOROSHENKOV	CLI	62	1	6		78	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN CONG LAM	CLI	67	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRIANDOFILIDI U.I	CLI	76	1	10		105	KH-THAC	Russian
4	ĐOAN THỊNH LƯƠNG	CLI	71	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HOAN	CLI	65	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
6	SABITOV A.A	CLI					83	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN LY HUONG	CLI	61	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ MINH PHƯƠNG	CLI	66	1	7		67	D-HANH	Vietnamese
9	NGUYEN ĐANG NGOC NAM	CLI	600	1	5	55	77	D-HANH	Vietnamese
10	DOKUCHAEV	CLI	63	1	8	50	105	KH-THAC	Russian
11	MAI NGOC THIET	CLI	75	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ANH VIỆT	CLI	58-59	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ MINH TIẾN	CLI	72-73	2	15		73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC SON	CLI	68-69	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH VĂN HOANG	CLI	70	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC NGHI	CLI	99	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG QUỐC VIỆT	CLI	62	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VĂN VŨ	CLI	64	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN DU	CLI	74	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUU LAM	CLI	57	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VĂN NHAN	CLI	60	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐO VĂN ĐOAN	CLI	78	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	22	24	137	1.600	105	22		
	TOTAL	22	24	137	1.600	105	22		
	WEIGHT KG			137	1.600	105			

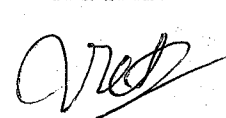
GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.



VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2019	TO: CLI	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:05
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐTuấn - Trường	ETA: 14:25
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI PHÚC LINH	CLI	12	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NAM KHANH	CLI	15	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRỌNG TUẤN	CLI	18-19	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT HOÀ	CLI	17	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG TRỌNG TRÚC	CLI	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG NHẬT MINH	CLI	20-21	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	CLI	09	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH LONG	CLI					70	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VĂN TUYẾN	CLI	29	1	10	100	72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN KHANH	CLI	04	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THẨM	CLI	02-03	2	8		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THIÊN NAM	CLI	13	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TÙNG	CLI	05	1	9		80	CODIEN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HUY	CLI	07-08	2	12		65	CODIEN	Vietnamese
15	TRẦN BÌNH THUẬN	CLI	28	1	5		70	ANTOAN	Vietnamese
16	PHẠM THANH NHẢ	CLI	14	1	6		83	PSV	Vietnamese
17	BUI VĂN QUÂN	CLI	11	1	4		64	PSV	Vietnamese
18	CAO VIỆT BAO	CLI	01	1	6		53	PSV	Vietnamese
19	VU HUU TRUONG	CLI	06	1	3		70	PSV	Vietnamese
20	PHAM VAN NAM	CLI	10	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	20	23	134	1.428	100	17		
	TOTAL	20	23	134	1.428	100	17		
	WEIGHT KG			134	1.428	100			

GRAND TOAL: 1.662 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD1+PVD6+RC4	7:25	19+3+0	0+0+0		15+3+1	0+0+0	
2		RC3+VSP02+TD2	07:25	5+0+17	0+0+0		0+2+15	0+0+0	
3		TD2+CLO+PVD1	9:25	8+7+7	0+0+0		4+0+10	0+0+0	
4		P7-TTC2	9:25	22	0		19	0	TTC2 1 NGUOI OM
5		TD1+P8+P4	11:25	4+14+4	0+0+0		0+8+4	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2019	TO: PVD1 - PVD6 - RC4	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - VTHU - HTNam	ETA: 09:35
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	COLIN SINCLAIR SMITH	PVD1	68-69	2	15		101	KHOAN	British
2	DO THANH TUNG	PVD1	65	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
3	NGO SY THUAN	PVD1	53	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
4	CHRISTOPHER JOHN INGLE	PVD1	66	1	6		96	KHOAN	New Zealand
5	NGUYEN CAO PHUNG	PVD1	55	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN THE HIEN	PVD1	57	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN CONG CUONG	PVD1	56	1	8		55	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DUC NINH	PVD1	62	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG BANG	PVD1	58	1	8	5	69	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THUONG	PVD1	50	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
11	DO THANH HOAT	PVD1	61	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
12	LE NGOC HUNG	PVD1	60	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
13	DOAN VAN LUAN	PVD1	54	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
14	BUI MANH HUNG	PVD1	51	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN HUU TRI	PVD1	70	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG HUU BINH	PVD1	59	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
17	NGO VAN TAO	PVD1	52	1	8		57	KHOAN	Vietnamese
18	DANG MANH LINH	PVD1	67	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TUAN ANH	PVD1	63-64	2	15		76	KHOAN	Vietnamese
20	LE ANH TUAN	PVD6	35-36	2	15	35	65	CODIEN	Vietnamese
21	TONG TIEN QUANG	PVD6	33	1	15	16	75	DVL	Vietnamese
22	DO VAN THAI	PVD6	34	1	15		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	19	21	151	1.360	5	15		
2	PVD6	3	4	45	210	51	4		
3	RC4	0	0	0	0	70	1		
TOTAL		22	25	196	1.570	126	20		
WEIGHT KG				196	1.570	126			

GRAND TOAL: 1.892 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2019	TO: RC3 - VSP02 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - TÙNG - DTùng	ETA: 09:30
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THANH	RC3	29	1	5		58	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ MINH SỸ	RC3	30	1	5	40	75	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ BÁT THUỜNG	RC3	31-32	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN KHANH HUNG	RC3	25-26	2	10		68	CODIEN	Vietnamese
5	CAO ĐẮC DÂN	RC3	27-28	2	15		66	CODIEN	Vietnamese
6	BUI VĂN LỢI	TD2	59	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ QUỐC TOÀN	TD2	50	1	2		56	KHOAN	Vietnamese
8	BUI NGỌC DỪNG	TD2	58	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH ANH	TD2	52	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TUYỀN	TD2	48	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC DUC	TD2	54	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN MẠNH CUÔNG	TD2	56	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGÔ VĂN HUY	TD2	62	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM THANH GIANG	TD2	47	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	ĐỖ BA NAM	TD2	51	1	4	60	80	KHOAN	Vietnamese
16	NGÔ ĐOÀN ĐỨC	TD2	55	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT TRUNG	TD2	53	1	12		90	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HUNG QUÂN	TD2	46	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
19	FOKS	TD2	61	1	5		130	D-HANH	Russian
20	BAKHMATSKY	TD2	60	1	5		100	D-HANH	Russian
21	ZRURBIN	TD2	57	1	7		100	D-HANH	Russian
22	ĐOÀN VĂN KHUU	TD2	49	1	5		62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	5	8	50	337	40	0		
2	VSP02	0	0	0	0	0	2		
3	TD2	17	17	98	1.336	60	15		
TOTAL		22	25	148	1.673	100	17		
WEIGHT KG				148	1.673	100			

GRAND TOAL: 1.921 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2019	TO: TD2 - CLO - PVD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - Phong - DTùng	ETA: 11:50
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU LUAN	TD2	74	1	17		65	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN TRONG TIEN	TD2	67-68	2	15	40	60	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HIEN	TD2	70	1	5		75	DVL	Vietnamese
4	LE THANH TU	TD2	69	1	5		74	DVL	Vietnamese
5	LE VAN TU	TD2	66	1	6		59	NIPI	Vietnamese
6	HOANG MANH HUNG	TD2	71	1	5		85	GETRACO	Vietnamese
7	TRAN VAN VIET A	TD2	72	1	4		65	GETRACO	Vietnamese
8	VU THANH TIEN	TD2	73	1	3		51	GETRACO	Vietnamese
9	KHUAT DUY HOANG	CLO	33-34	2	7		68	SMC	Vietnamese
10	ĐINH QUANG HUY	CLO	32	1	10		65	SMC	Vietnamese
11	NGUYEN VIET GIANG	CLO	31	1	10		72	SMC	Vietnamese
12	PHAN CAO THUAN	CLO	35-36	2	12	40	70	SMC	Vietnamese
13	VO QUANG LY	CLO	30	1	10		70	SMC	Vietnamese
14	THAI VAN QUY	CLO	27	1	7		75	SMC	Vietnamese
15	PHAM XUAN THE	CLO	28-29	2	10		60	SMC	Vietnamese
16	TRAN VAN NGHIA	PVD1	78	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HUU HA	PVD1	73	1	11		71	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN HUU VIET	PVD1	72	1	15		60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THANH	PVD1	74	1	10	28	76	KHOAN	Vietnamese
20	NG TUAN ANH	PVD1	79	1	14		80	KHOAN	Vietnamese
21	BOIKO D.G	PVD1	77	1	10		92	KH-THAC	Russian
22	NGUYEN MANH CUONG	PVD1	75-76	2	14		100	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

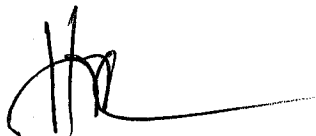
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	8	9	60	534	40	4		
2	CLO	7	10	66	480	40	0		
3	PVD1	7	8	84	549	28	10		
TOTAL		22	27	210	1.563	108	14		
WEIGHT KG				210	1.563	108			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2019	TO: P7 - TTC2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - VTHU -	ETA: 11:35
CAM-2		HTNam	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVUDOV D.S	P7	51	1	5		62	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN XUAN	P7	44	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
3	VU CAO BANG	P7	42	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
4	LE HUY TUYEN	P7	43	1	6		53	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HUY THAI	P7	48	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HOA	P7	41	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	VU VAN HOA	P7	50	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG DUNG	P7	47	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NGAN	P7	45	1	3	17	65	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM XUAN HUY	P7	39	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	LE VINH THUAT	P7	46	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN SON	P7	40	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN HOA	P7	67-68	2	12		58	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN HUY ANH	P7	55-56	2	18		95	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN VAN CHIEN	P7	52	1	11		74	XAYLAP	Vietnamese
16	VU TRONG HOE	P7	63-64	2	15		73	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI ANH TUAN	P7	53-54	2	8		68	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG QUYEN	P7	65-66	2	11		73	XAYLAP	Vietnamese
19	DANG DUY DUNG	P7	61-62	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC HUY	P7	57-58	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN LE	P7	59-60	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN VAN DUC	P7					72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	22	29	180	1.513	17	19		
2	TTC2	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	29	180	1.513	17	20		
WEIGHT KG				180	1.513	17			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2019	TO: TD1 - P8 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VThắng - Phong - DTùng	ETA: 14:20
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC NINH	TD1	87	1	10		72	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN VINH KHA	TD1	88	1	15		70	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC SƠN	TD1	86	1	15		67	DVL	Vietnamese
4	HUYNH VŨ TÍNH	TD1	89	1	10		65	DVL	Vietnamese
5	IVANOV MAXIM	P8	98-99	2	15		100	XAYLAP	Russian
6	ĐẠO QUỐC HÙNG	P8	84	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN TÙNG	P8	85	1	7		56	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC GIÁP	P8	93	1	10		57	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẠO QUYẾT THẮNG	P8	96	1	8		62	XAYLAP	Vietnamese
10	NGO HỒNG THANH	P8	92	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VIỆT HUY	P8	249	1	10	30	65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG CHUNG	P8	49,700	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	P8	86	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỊNH PHÚ	P8	94-95	2	15		81	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P8	89-90	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN VĂN DỤC	P8	87-88	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI VĂN CHUNG	P8	97	1	5		54	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN ANH	P8	91	1	18		75	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN GIANG	P4	20-21	2	12		70	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG SƠN	P4	19	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
21	ĐẶNG QUANG LỘC	P4	16	1	9		65	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NAM	P4	17-18	2	10		85	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	4	4	50	274	0	0		
2	P8	14	19	162	949	30	8		
3	P4	4	6	39	290	0	4		
TOTAL		22	29	251	1.513	30	12		
WEIGHT KG				251	1.513	30			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN